TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ NHA TRANG** **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 37/2018/DS-ST Ngày: 10/10/2018 *V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NHA TRANG,
TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Bùi Thị Bích Liễu**

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Đức Đẹp,**
2. Ông **Nguyễn Văn Bạn.**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Đào Minh Tuấn –** Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Bà **Lê Ánh Dương** - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 105/2018/TLST-DS ngày 19 tháng 3 năm 2018 về việc "***Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*** theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2018/QĐST-DS ngày 04 tháng 9 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 37/2018/QĐST-DS ngày 21 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Bà **Bùi Thị T**

Địa chỉ: Số 166/2/2 Phạm Văn Đ, thôn Lương S 2, xã Vĩnh L, Nha T.

Có mặt.

2. *Bị đơn*: Bà **Nguyễn Thị Bình**

Địa chỉ: Số 41/7 Phan Trọng T, thôn Văn Đ 3, xã Vĩnh L, Nha T.

Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 20/3/2018, bản tự khai ngày 27/4/2018, biên bản hòa giải ngày 29/5/2018 và 22/6/2018, nguyên đơn – bà Bùi Thị T trình bày:* Ngày 23/10/2017, bà Nguyễn Thị B có vay của bà số tiền là 20.000.000đ (*Hai mươi triệu đồng*) để mua máy cho con đi học đại học và có viết giấy mượn tiền và hẹn đến tháng giêng âm lịch năm 2018 sẽ hoàn trả, không thỏa thuận lãi vay.

Từ khi đến hạn trả nợ, bà T đã nhiều lần yêu cầu bà Bình trả nợ, bà B chỉ trả 3.000.000 đồng, số còn lại là 17.000.000 đồng bà B cố tình né tránh và không tiếp tục trả nợ. Nay bà T yêu cầu bà B trả cho bà số tiền là 17.000.000đ (*Mười bảy triệu đồng*), trả một lần, không tính lãi.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang đã tiến hành xác minh và thực hiện việc tống đạt và niêm yết nhiều lần theo quy định pháp

luật nhưng bà Nguyễn Thị B không có ý kiến trình bày do vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền 17.000.000đ, trả một lần và không tính lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

1.1. *Về thẩm quyền giải quyết*: Đây là vụ án tranh chấp về dân sự, bị đơn có địa chỉ cư trú tại thôn Văn Đ 3, xã Vĩnh L, Nha T, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

1.2. *Về quan hệ tranh chấp và thời hiệu khởi kiện*: Quan hệ tranh chấp được xác lập bằng giấy mượn tiền vào ngày 23/10/2017 giữa bà Bùi Thị T và bà Nguyễn Thị B. Đây là quan hệ tranh chấp về hợp đồng dân sự, thời hiệu khởi kiện là 03 năm theo quy định tại Điều 429 Bộ luật dân sự năm 2015. Như vậy, thời hiệu khởi kiện vẫn còn và xác định đây là tranh chấp về hợp đồng vay tài sản theo điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015.

1.3. *Về trình tự thủ tục*:

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn vắng mặt nhiều lần không có lý do, Tòa án tiến hành niêm yết công khai tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, Ủy ban nhân dân xã Vĩnh L, thành phố Nha Trang và tại địa chỉ nơi ở của bà Nguyễn Thị B tại số 41/7 Phan Trọng T, thôn Văn Đ 3, xã Vĩnh L, Nha T theo Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 233 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

2.1. Giữa bà Bùi Thị T và bà Nguyễn Thị B có mối quan hệ quen biết, bà Bình vay của bà T số tiền 20.000.000đ. Ngày 23/10/2017, bà B viết giấy mượn tiền, ấn định thời hạn vay là đến tháng giêng âm lịch năm 2018 sẽ trả, không thỏa thuận lãi suất, trong giấy mượn tiền có thế chấp một sổ hộ khẩu và một chứng minh nhân dân, đến ngày 28/12/2018 bà B đã nhận lại sổ hộ khẩu và chứng minh nhân dân nhưng vẫn không trả nợ cho bà T.

2.2. Đây là giao dịch vay tài sản là tiền thuộc hợp đồng dân sự do hai bên đương sự tự nguyện thực hiện. Khoản vay 20.000.000đ được giao kết bằng văn bản và được lập thành văn bản là giấy mượn tiền, có ấn định thời hạn vay. Người ký kết hợp đồng vay là bà B là người có đủ năng lực hành vi dân sự nên giao dịch này phù hợp với quy định của pháp luật dân sự.

2.3. Giữa hai bên có giao kết hợp đồng, có sự thỏa thuận khi giao kết. Tuy nhiên, khi đến thời hạn thanh toán, bà B đã không thanh toán cho bà T số tiền như đã thỏa thuận. Bà T đã nhiều lần yêu cầu bà B trả nợ nhưng bà B chỉ trả được 3.000.000 đồng, còn lại 17.000.000 đồng bà B không trả như đã cam kết. Bà T khởi kiện yêu cầu bà B trả số tiền còn lại 17.000.000đ là phù hợp với quy định tại Điều 463 và 466 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2.4. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Bà T yêu cầu bà B trả lại số tiền 17.000.000đ một lần theo giấy mượn tiền ngày 23/10/2017. Bà B đã mượn tài sản là tiền nhưng vi phạm về nghĩa vụ trả lại tài sản. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên cần chấp nhận, buộc bà Nguyễn Thị B phải trả cho bà Bùi Thị T số tiền nợ 17.000.000 đồng (*Mười bảy triệu đồng*) là phù hợp với quy định của pháp luật.

2.5. Về án phí:

- Bà Nguyễn Thị B phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 17.000.000đ x 5% = 850.000đồng (*Tám trăm năm mươi nghìn đồng*).

- Hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho bà Bùi Thị T.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả lại số tiền 17.000.000đ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 385, 398, 463, 466, 468, và 470 của Bộ luật dân sự 2015.

- Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 96, 147, 185, 227, 228, 266 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015;

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử*:*

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Nguyễn Thị B phải trả cho bà Bùi Thị T số tiền nợ 17.000.000 đồng (*Mười bảy triệu đồng*).

2. Án phí:

- Bà Nguyễn Thị B phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 17.000.000đ x 5% = 850.000đồng (*Tám trăm năm mươi nghìn đồng*).

- Hoàn lại cho bà Bùi Thị T số tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số AA/2016/0008633 ngày 19/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Nha Trang.

* *Quy định*: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên thi hành án

còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

*** *Nơi nhận*:**
- VKSND TP. Nha Trang;
- Đương sự;
- Chi cục THADS NT;
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- UBND xã Vĩnh L, Nha T;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Bùi Thị Bích Liễu